

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(Kèm theo Công văn số 69/PKBA-HCNS ngày 04/8/2026 của Phòng khám đa khoa Bình An thuộc Công Ty TNHH Phòng khám đa khoa Bình An)

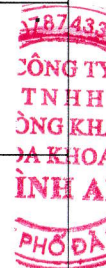
1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: PHÒNG KHÁM ĐA KHOA BÌNH AN THUỘC CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA BÌNH AN
2. Địa chỉ: TDP Cang Tây, xã Quế Sơn, thành phố Đà Nẵng.
3. Thời gian làm việc hằng ngày của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Toàn thời gian: 7h00-18h00,T2,T3,T4,T5,T6,T7.
4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

| ST<br>T | Họ và tên        | Số giấy phép<br>hành nghề/số<br>chứng chỉ hành<br>nghề | Phạm vi hành nghề                  | Thời gian đăng ký<br>hành nghề tại cơ sở<br>khám bệnh, chữa<br>bệnh <sup>2</sup> | Vị trí chuyên môn <sup>3</sup>                                                         | Thời gian đăng ký<br>hành nghề tại cơ<br>sở khám bệnh,<br>chữa bệnh khác<br>(nếu có) <sup>4</sup> | Ghi chú <sup>5</sup> |
|---------|------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 1       | Phạm Văn Dũng    | 002288/QNA-<br>CCHN                                    | Bác sỹ Đa khoa; Chẩn đoán hình ảnh | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh -<br>Người chịu trách nhiệm chuyên<br>môn kỹ thuật của cơ sở | Phòng khám đa khoa<br>Bình An - KCN;<br>7h00-11h30<br>CN                                          |                      |
| 2       | Lê Văn Long      | 002630/QNA-<br>CCHN                                    | Bác sỹ Đa khoa                     | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Bác sỹ KCB Đa khoa                                                                     | không                                                                                             |                      |
| 3       | Nguyễn Minh Kỳ   | 006424/QNA-<br>CCHN                                    | Bác sỹ KCB Nội khoa                | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Bác sỹ KCB Nội khoa - Phụ<br>trách phòng khám Nội                                      | không                                                                                             |                      |
| 4       | Lê Thị Thanh Mai | 009283/ĐNA-<br>CCHN                                    | Bác sỹ đa khoa                     | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Bác sỹ KCB Đa khoa                                                                     | không                                                                                             |                      |
| 5       | Hồ Quang Vũ      | 004587/QNA-<br>CCHN                                    | Bác sỹ CKI Ngoại khoa              | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Bác sỹ KCB Ngoại khoa - Phụ<br>trách phòng Ngoại                                       | không                                                                                             |                      |
| 6       | Vũ Thị Tường Vi  | 006767/QNA-<br>CCHN                                    | Bác sỹ KCB Nhi khoa                | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Bác sỹ KCB Nhi khoa - Phụ<br>trách phòng khám Nhi                                      | không                                                                                             |                      |



| ST<br>T | Họ và tên               | Số giấy phép<br>hành nghề/số<br>chứng chỉ hành<br>nghề | Phạm vi hành nghề                                                                                                                        | Thời gian đăng ký<br>hành nghề tại cơ sở<br>khám bệnh, chữa<br>bệnh <sup>2</sup> | Vị trí chuyên môn <sup>3</sup>                                | Thời gian đăng ký<br>hành nghề tại cơ<br>sở khám bệnh,<br>chữa bệnh khác<br>(nếu có) <sup>4</sup> | Ghi chú <sup>5</sup> |
|---------|-------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 7       | Nguyễn Thị<br>Thanh Lâm | 008006/QNA-<br>CCHN                                    | Khám bệnh, chữa bệnh Y học cổ<br>truyền ; Bổ sung phạm vi chuyên<br>môn khám bệnh, chữa bệnh Phục<br>hồi chức năng                       | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Bác sỹ KCB YHCT, PHCN -<br>Phụ trách phòng khám YHCT,<br>PHCN | không                                                                                             |                      |
| 8       | Trần Thị Thúy<br>Hiếu   | 007390/QNA-<br>CCHN                                    | Khám bệnh, chữa bệnh Y học cổ<br>truyền ; Bổ sung phạm vi chuyên<br>môn khám bệnh, chữa bệnh Phục<br>hồi chức năng                       | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Bác sỹ KCB YHCT, PHCN                                         | không                                                                                             |                      |
| 9       | Lê Thị Phương<br>Nam    | 004491/QT-CCHN                                         | Bác sỹ Răng Hàm Mặt                                                                                                                      | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Bác sỹ KCB Răng Hàm Mặt -<br>Phụ trách phòng khám Nha         | không                                                                                             |                      |
| 10      | Trịnh Thị Anh Tú        | 000679/QNA-<br>GPHN                                    | Bác sỹ Răng Hàm Mặt                                                                                                                      | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Bác sỹ KCB Răng Hàm Mặt                                       | Phòng khám đa khoa<br>Bình An - KCN;<br>7h00-11h30<br>CN                                          |                      |
| 11      | Võ Viết Đạt             | 000842/ĐNA-<br>GPHN                                    | Bác sỹ Răng Hàm Mặt                                                                                                                      | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Bác sỹ KCB Răng Hàm Mặt                                       | không                                                                                             |                      |
| 12      | Nguyễn Thị Tiên         | 000328/QNA-<br>CCHN                                    | Điều dưỡng Đa khoa                                                                                                                       | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Điều dưỡng Đa khoa - Phụ trách<br>Điều dưỡng                  | không                                                                                             |                      |
| 13      | Trương Văn Trí          | 006704/QNA-<br>CCHN                                    | Thực hiện theo TT số<br>10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày<br>27/05/2015 của BYT, BNV quy định<br>mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề<br>nghiệp y sỹ | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Y sỹ đa khoa                                                  | không                                                                                             |                      |

| ST<br>T | Họ và tên           | Số giấy phép<br>hành nghề/số<br>chứng chỉ hành<br>nghề | Phạm vi hành nghề                                                                                                                              | Thời gian đăng ký<br>hành nghề tại cơ sở<br>khám bệnh, chữa<br>bệnh <sup>2</sup> | Vị trí chuyên môn <sup>3</sup> | Thời gian đăng ký<br>hành nghề tại cơ<br>sở khám bệnh,<br>chữa bệnh khác<br>(nếu có) <sup>4</sup> | Ghi chú <sup>5</sup> |
|---------|---------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 14      | Nguyễn Thị Ngân     | 008046/QNA-<br>CCHN                                    | Thực hiện theo TT số<br>10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày<br>27/05/2015 của BYT, BNV quy định<br>mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề<br>nghiệp y sỹ       | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Y sỹ đa khoa                   | không                                                                                             |                      |
| 15      | Nguyễn Thị Ly<br>Va | 0007587/QNA-<br>CCHN                                   | Thực hiện theo TT số<br>26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày<br>07/10/2015 của BYT, BNV quy định<br>mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề<br>nghiệp hộ sinh    | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Hộ sinh                        | không                                                                                             |                      |
| 16      | Nguyễn Thị Diễm     | 000151/QNA-<br>GPHN                                    | Điều dưỡng                                                                                                                                     | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Điều dưỡng                     | không                                                                                             |                      |
| 17      | Đinh Thị Hân        | 006861/QNA-<br>CCHN                                    | Thực hiện theo TT số<br>26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày<br>07/10/2015 của BYT, BNV quy định<br>mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề<br>nghiệp điều dưỡng | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Điều dưỡng                     | không                                                                                             |                      |
| 18      | Nguyễn Thị Mỹ       | 006829/ĐNA-<br>CCHN                                    | Thực hiện theo TT số<br>26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày<br>07/10/2015 của BYT, BNV quy định<br>mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề<br>nghiệp điều dưỡng | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Điều dưỡng                     | không                                                                                             |                      |
| 19      | Lê Thị Diễm My      | 007873/QNA-<br>CCHN                                    | Thực hiện theo TT số<br>26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày<br>07/10/2015 của BYT, BNV quy định<br>mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề<br>nghiệp điều dưỡng | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Điều dưỡng                     | không                                                                                             |                      |



| ST<br>T | Họ và tên                | Số giấy phép<br>hành nghề/số<br>chứng chỉ hành<br>nghề | Phạm vi hành nghề                                                                                                                                                                                                               | Thời gian đăng ký<br>hành nghề tại cơ sở<br>khám bệnh, chữa<br>bệnh <sup>2</sup> | Vị trí chuyên môn <sup>3</sup> | Thời gian đăng ký<br>hành nghề tại cơ<br>sở khám bệnh,<br>chữa bệnh khác<br>(nếu có) <sup>4</sup> | Ghi chú <sup>5</sup> |
|---------|--------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 20      | Nguyễn Thị<br>Thanh Loan | 009366/HCM -<br>CCHN                                   | Thực hiện phạm vi hoạt động<br>chuyên môn theo quy định tại Quyết<br>định số 41/2005/QĐ-BNV ngày<br>22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội<br>vụ về việc ban hành tiêu chuẩn<br>nghề nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế<br>điều dưỡng. | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Điều dưỡng                     | không                                                                                             |                      |
| 21      | Nguyễn Thị<br>Hong Minh  | 000005/QNA-<br>GPHN                                    | Điều dưỡng                                                                                                                                                                                                                      | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Điều dưỡng                     | không                                                                                             |                      |
| 22      | Mai Thị Thanh<br>Huyền   | 000576/QNA-<br>GPHN                                    | Điều dưỡng                                                                                                                                                                                                                      | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Điều dưỡng                     | không                                                                                             |                      |
| 23      | Lê Thị Kim<br>Tuyến      | 005660/QNA-<br>CCHN                                    | Thực hiện theo quy định tại Thông<br>tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV<br>ngày 07/10/2015 quy định mã số,<br>tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp<br>điều dưỡng                                                                            | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Điều dưỡng                     | không                                                                                             |                      |
| 24      | Võ Thị Như Thủy          | 009401/QNA-<br>CCHN                                    | Thực hiện theo quy định tại Thông<br>tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV<br>ngày 07/10/2015 quy định mã số,<br>tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp<br>điều dưỡng                                                                            | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Điều dưỡng Nha khoa            | không                                                                                             |                      |
| 25      | Nguyễn Văn Sỡ            | 006134/QNA-<br>CCHN                                    | Khám chữa bệnh bằng Y học cổ<br>truyền                                                                                                                                                                                          | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Y sĩ YHCT                      | không                                                                                             |                      |
| 26      | Lê Công Đạt              | 007077/QNA-<br>CCHN                                    | Khám chữa bệnh bằng Y học cổ<br>truyền                                                                                                                                                                                          | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Y sĩ YHCT                      | không                                                                                             |                      |

| ST<br>T | Họ và tên                 | Số giấy phép<br>hành nghề/số<br>chứng chỉ hành<br>nghề | Phạm vi hành nghề                            | Thời gian đăng ký<br>hành nghề tại cơ sở<br>khám bệnh, chữa<br>bệnh <sup>2</sup> | Vị trí chuyên môn <sup>3</sup> | Thời gian đăng ký<br>hành nghề tại cơ<br>sở khám bệnh,<br>chữa bệnh khác<br>(nếu có) <sup>4</sup> | Ghi chú <sup>5</sup> |
|---------|---------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 27      | Nguyễn Hoàng<br>Tiến Phát | 007076/QNA-<br>CCHN                                    | Khám chữa bệnh bằng Y học cổ<br>truyền       | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Y sĩ YHCT                      | không                                                                                             |                      |
| 28      | Thiều Văn Anh             | 007743/QNA-<br>CCHN                                    | Khám chữa bệnh bằng Y học cổ<br>truyền       | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Y sĩ YHCT                      | không                                                                                             |                      |
| 29      | Trần Văn Tư               | 007759/QNA-<br>CCHN                                    | Khám chữa bệnh bằng Y học cổ<br>truyền       | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Y sĩ YHCT                      | không                                                                                             |                      |
| 30      | Lê Vũ Thiện               | 006582/QNA-<br>CCHN                                    | Thực hiện kỹ thuật PHCN                      | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | KTV PHCN                       | không                                                                                             |                      |
| 31      | Nguyễn Thị<br>Hong Nga    | 001794/ĐNA-<br>GPHN                                    | Y học cổ truyền                              | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Y sĩ YHCT                      | không                                                                                             |                      |
| 32      | Trần Công Vĩnh            | 005498/QNA-<br>CCHN                                    | Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học<br>cổ truyền | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | Y sĩ YHCT                      | không                                                                                             |                      |



| ST<br>T | Họ và tên               | Số giấy phép<br>hành nghề/số<br>chứng chỉ hành<br>nghề | Phạm vi hành nghề                                                                                                                              | Thời gian đăng ký<br>hành nghề tại cơ sở<br>khám bệnh, chữa<br>bệnh <sup>2</sup> | Vị trí chuyên môn <sup>3</sup>                 | Thời gian đăng ký<br>hành nghề tại cơ<br>sở khám bệnh,<br>chữa bệnh khác<br>(nếu có) <sup>4</sup> | Ghi chú <sup>5</sup> |
|---------|-------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 33      | Huỳnh Thị Thu<br>Sa     | 006812/HCM-<br>CCHN                                    | KTV Xét nghiệm                                                                                                                                 | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | KTV Xét nghiệm - Phụ trách<br>Phòng xét nghiệm | không                                                                                             |                      |
| 34      | Lê Thị Thuận<br>Bình    | 001791/ĐNA-<br>GPHN                                    | Xét nghiệm y học                                                                                                                               | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | KTV xét nghiệm                                 | không                                                                                             |                      |
| 35      | Trần Thị Tuyết          | 006655/QNA-<br>CCHN                                    | Xét nghiệm                                                                                                                                     | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | KTV xét nghiệm                                 | không                                                                                             |                      |
| 36      | Phạm Thị Hồng<br>Chuyên | 008688/QNA-<br>CCHN                                    | Thực hiện theo TT số<br>26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày<br>07/10/2015 của BYT, BNV quy định<br>mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề<br>nghiệp kỹ thuật y | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | KTV Xét nghiệm                                 | không                                                                                             |                      |
| 37      | Trần Thanh Huy          | 007060/QNA-<br>CCHN                                    | Thực hiện kỹ thuật hình ảnh y học                                                                                                              | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | KTV X-Quang                                    | không                                                                                             |                      |
| 38      | Nguyễn Tấn Dũng         | 007634/QNA-<br>CCHN                                    | Thực hiện kỹ thuật hình ảnh y học                                                                                                              | Toàn thời gian:<br>7h00-18h00;<br>T2,T3,T4,T5,T6,T7                              | KTV X-Quang                                    | không                                                                                             |                      |

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 8 năm 2026



Phạm Văn Dũng